

Tuần 11:

Ngày dạy:

Bài 44: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (TT)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1.Kiến thức:

- Các khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình; phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.
- Tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2.Kĩ năng:

- Nhận diện được từ tượng hình, từ tượng thanh. Phân tích giá trị của các từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản.
- Nhận diện các phép tu từ trong một văn bản. Phân tích tác dụng của các phép tu từ trong văn bản cụ thể.

3.Thái độ:

Tích cực vận dụng các từ vựng trong giao tiếp và tạo lập VB.

II.CHUẨN BỊ:

- GV: Sách GK, giáo án
- HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK.

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Ôn định tổ chức:

2.Kiểm tra bài cũ:

3.Bài mới:

***Vào bài:**

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
*HD1: Từ tượng hình và từ tượng thanh *Ôn khái niệm: - Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. VD: lom khom - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người. VD: xào xạc -> Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao, thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự. 2.BT: Thảo luận cặp đôi Tắc kè, mèo... 3.- Lồm đồm - Lê thê - Loáng thoáng - Lồ lộ => Từ tượng hình (miêu tả hình ảnh đám mây một cách cụ thể sống động) *HD2: Một số phép tu từ từ vựng 1. Ôn khái niệm: - So sánh: là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác	I. Từ tượng hình và từ tượng thanh: 1. Ôn khái niệm: SGKNV8t1, tr49 2,3.BT: II. Một số phép tu từ từ vựng 1. Ôn khái niệm: - So sánh: SGK NV6 t2, trang 24

có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Ẩn dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Nhân hoá: là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

- Hoán dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

- Nói giảm nói tránh: là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

- Điệp ngữ: Khi nói hoặc viết có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại được gọi là điệp ngữ.

- Chơi chữ: là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn, thú vị.

2. BT: HS thảo luận cặp đôi, lên bảng trình bày:

a. Phép tu từ ẩn dụ:

+từ hoa- cánh: chỉ Thuý Kiều và cuộc đời nàng

+từ cây, lá: dùng để chỉ gia đình Thuý Kiều và cuộc sống của họ.

-> Ý nói Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.

b. Phép tu từ so sánh

c. Phép nói quá: Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh, Một hai nghiêng nước nghiêng thành- Sắc đành đòi một, tài đành họa hai -> đây ấn tượng về một nhân vật tài sắc vẹn toàn.

d. Phép nói quá: trong gang tấc- gấp mười quan san -> cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh.

e. Phép chơi chữ: tài- tai

3. BT3: HS thảo luận cặp đôi, lên bảng trình bày:

a. Điệp ngữ: còn; dùng từ nhiều nghĩa: say sưa (uống nhiều rượu mà say, chàng trai say đắm vì tình) -> chàng trai thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ và kín đáo.

b. Nói quá -> sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn

c. Phép so sánh: miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng (trăng rất sáng khiến cảnh vật hiện rõ đường nét)

d. Phép nhân hoá: biến trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ (Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ) -> thiên nhiên trong bài trở nên sống

- Ẩn dụ: SGK NV6 t2, trang 68

- Nhân hoá: SGK NV6 t2, trang 56

- Hoán dụ: SGK NV6 t2, trang 82

- Nói quá: SGK NV8 t1, trang 101

- Nói giảm nói tránh: SGK NV8 t1, trang 108

- Điệp ngữ: SGK NV7 t1, trang 152

- Chơi chữ: SGK NV7 t1, trang 164

2, 3.BT: HS trình bày bảng

động hơn, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn. e. Phép tu từ ẩn dụ: từ mặt trời trong câu thứ 2 chỉ em bé trên lưng mẹ. -> sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.	
---	--

IV.CỦNG CỐ- HD HS HỌC Ở NHÀ

***Củng cố:** Thế nào là phép tu từ ẩn dụ?VD?

***HD:** Học bài, làm lại bài tập, chuẩn bị bài Làm thơ tám chữ.